

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

KHOA Y

BỘ MÔN NGOẠI NHÍ

ĐỀ THI LÝ THUYẾT NGOẠI NHÍ

Thời gian 30'

Ngày thi 31/05/2013

Đề A

Câu 1: Chọn câu đúng về bệnh hirschsprung

- A. Bệnh được mô tả đầu tiên do H.hirschsprung năm 1901 1886
- B. Tỷ lệ nam/nữ: 1/4 4:1
- ☒ C. Đại thể: đoạn vô hạch đoạn dưới đường kính hẹp. đoạn chuyển tiếp hình phễu. đoạn ruột lành bên trên giãn to, thành dày, nhiều mạch máu
- D. Các thể loại bệnh lý tùy thuộc chiều dài đoạn vô hạch. Thường gặp nhất là loại ngắn và loại dài
- E. Vi thể: không có sự hiện diện của tế bào hạch ( nhuộm với hematoxyline-eosine). Dây thần kinh có myeline c myeline

Câu 2: Triệu chứng cơ năng quan trọng của bệnh hirschsprung

- ☒ A. Rối loạn đi tiêu: chậm tiêu phân su sau 24h. sau đó táo bón trường diễn / chui yểu
- B. Chướng bụng đau liên
- C. Nôn
- D. Tiêu chảy
- E. Dấu hiệu "tháo cống" / tiểu lỏng

Câu 3: Cận lâm sàng để chẩn đoán bệnh hirschsprung, chọn câu đúng nhất

- A. X Quang bụng không sửa soạn thường không có giá trị x
- B. Chụp cản quang đại tràng cho thấy sự chênh lệch đường kính rõ ràng trong tất cả các thể bệnh
- C. Đo áp lực hậu môn trực tràng: có phản xạ ức chế hậu môn trực tràng c có p x a
- ☒ D. Sinh thiết: có độ chính xác cao nhất /
- E. Tất cả đều đúng

Câu 4: Biến chứng thường gặp trong bệnh hirschsprung, chọn câu sai

- ☒ A. Viêm ruột non đại tràng / → chính gây tử vong
- B. Nhiễm trùng nhiễm độc nặng /
- C. Thủng ruột: trong 3 tháng tuổi đầu, thường ở vùng chuyển tiếp và manh tràng hay ruột thừa /
- D. Nhiễm trùng huyết: Gram âm /
- ☒ E. Không câu nào đúng

Câu 5: Nguyên tắc phẫu thuật của bệnh hirschsprung, chọn câu (sai)

- A. Cắt bỏ đoạn hẹp vô hạch kèm đoạn chuyển tiếp và một phần phình giãn /
- B. Tái lập lưu thông đường tiêu hóa /
- ☒ C. Làm hậu môn tạm trên dòng để bảo vệ miệng nối bên dưới trong tất cả các trường hợp



- D. Giảm áp và bảo toàn cơ thất trong hậu môn
- E. Tránh gây tổn thương thần kinh niệu-dục vùng chậu

**Câu 6: Nang đường mật, chọn câu đúng nhất**

- A. Nang đường mật được định nghĩa là tình trạng dẫn bẩm sinh dạng cầu hay dạng thoi của đường mật trong gan và ngoài gan, mà không có sự tắc nghẽn nguyên phát của ống mật chủ
- B. Thường gặp ở các nước Tây Âu ~~×~~ *Liên*
- C. Ưu thế ở phái nam ~~×~~ *nữ*
- D. < 50% trường hợp phát hiện trước 10 tuổi ~~×~~ *> 50%*
- ☒ E. Tất cả đều sai

**Câu 7: Phân loại nang đường mật, chọn câu sai**

- A. Bảng phân loại thường dùng nhất là bảng của tác giả Todani
- B. Loại I: nang ống mật chủ đơn thuần
- ☒ C. Loại II: sa ống mật chủ *II: túi thừa*
- D. Loại IV: nang ống mật chủ kết hợp nang đường mật trong gan
- E. Thường gặp nhất là loại I và IV

**Câu 8: Triệu chứng lâm sàng của nang đường mật, chọn câu đúng nhất**

- Ntr độ mật* A. Tam chứng cổ điển: vàng da, sốt và đau hạ sườn phải *u / đau bụng*
- B. ở trẻ sơ sinh và trẻ lớn, vàng da dai dẳng kèm tiêu phân bạc màu *nhều nhều*
- ☒ C. đau bụng là dấu hiệu rất trung thành ở trẻ lớn
- D. u hạ sườn phải thường chắc, bề mặt lồi nhón *nhấn, di động*
- E. không câu nào đúng

**Câu 9: Xét nghiệm nào sau đây ít dùng trong chẩn đoán nang đường mật ở trẻ em**

- A. siêu âm bụng ~~×~~
- B. X quang đường mật trong khi mổ *pp KS best. c Δ*
- C. Chụp mật-tụy cộng hưởng từ ~~×~~ *viêm tụy*
- D. Chụp cắt lớp điện toán *Scout*
- ☒ E. Chụp mật tụy ngược dòng qua nội soi *trong & ngoài gan, huân mật tụy / Klor 13+, BC*

**Câu 10: Điều trị triệt để nang đường mật, chọn câu đúng nhất**

- A. Cắt toàn bộ túi mật + nối ống gan chung – hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống gan chung – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng ~~×~~
- B. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống mật chủ với hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống mật chủ – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng
- ☒ C. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống gan chung – hồng tràng theo Roux en Y hay nối ống gan chung – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng
- D. Cắt toàn bộ nang và túi mật + nối ống gan – hồng tràng hay nối ống gan – tá tràng qua trung gian một đoạn hồng tràng
- E. Tất cả đều sai

**Câu 11: Tắc khúc nối bể thận niệu quản**

- A. Làm giảm tốc độ lọc của quản cầu



- B. Thay đổi kích thước bể thận ✓
- C. Gây ra đau bụng ✓
- D. Có thể phát hiện trước sinh ✓
- ☒ E. Tất cả đúng

**Câu 12: Chọn câu sai**

- A. Nguồn gốc của nhu động bể thận bắt đầu từ ống góp *niệu quản*
- B. Khi niệu quản co bóp khúc nối đóng lại không cho nước tiểu di chuyển ngược lên ✓
- C. U bụng là triệu chứng của thận ứ nước ✓
- ☒ D. Chụp CT-Scan là xét nghiệm chính xác nhất để chẩn đoán thận ứ nước
- E. Siêu âm giúp phát hiện thận ứ nước sớm nhất ✓

**Câu 13: Thận bắt đầu bài tiết nước tiểu từ tuần lễ thứ:**

- ☒ A. 10
- B. 12
- C. 14
- D. 16
- E. 18

**Câu 14: Dẫn đường tiết niệu trên có nghĩa là**

- A. Sự rối loạn hóa đường tiết niệu chưa hoàn chỉnh ✓
- B. Sự trưởng thành chậm của đường tiết niệu ✓
- C. Đã có tắc ở bên dưới ✗
- ☒ D. Chưa chắc chắn, có thể thay đổi theo thời gian, tốt hoặc xấu hơn
- E. Tất cả đúng

**Câu 15: Có thể phát hiện ứ nước ở thận thai nhi tuần lễ thứ:**

- ☒ A. 15
- B. 18
- C. 20
- D. 25
- E. 30

**Câu 16: Dấu hiệu nào sau đây gợi ý có tắc đường tiết niệu**

- A. Bụng chướng
- ☒ B. Đau bụng ✓
- C. Ói
- D. Tiêu máu
- E. Tất cả đúng

*u bụng  
NT 'Tiểu'  
+ tiểu máu*

**Câu 17: Ưu điểm của xạ hình trong chẩn đoán tắc khúc nối bể thận niệu quản**

- A. Ít xâm phạm
- ☒ B. Cho biết chức năng chính xác mỗi bên thận ✓
- C. Sử dụng cho mọi lứa tuổi
- D. Phát hiện sớm
- E. Có tính phổ biến

*Xanax Anxi-ety benzo diazepine Alprazolam*



**Câu 18: Dị dạng nào sau không hay phối hợp với hẹp khúc nối bể thận niệu quản**

- A. Thận đa nang ✓
- B. Trào ngược bàng quang niệu quản ✓
- C. Thận và niệu quản đôi ✓
- ☒ D. Thận lạc chỗ
- E. Nhóm VACTERL ✓

**Câu 19: Phim chụp bộ niệu quản đường tĩnh mạch(UIV) cho biết**

- A. Hình ảnh dẫn đài bể thận
- B. Cản quang qua khúc nối chậm (>20 phút) nếu có hẹp
- C. Chức năng chính xác mỗi thận
- ☒ D. A và B đúng
- E. Tất cả đúng

**Câu 20: Bệnh nào sau đây có đặc điểm lâm sàng và phương tiện chẩn đoán thận ứ nước do hẹp khúc nối**

- A. Thận và niệu quản đôi ✓
- B. Thận đa nang ✓
- C. Phình niệu quản
- D. Hẹp khúc nối bàng quang niệu quản ✓
- ☒ E. Trào ngược bàng quang niệu quản ✓

**Câu 21: Lòng ruột, chọn câu sai**

- A. Hội chứng tắc ruột ✓
- ☒ B. Chỉ xảy ra ở tuổi nữ nhi
- C. Xuất độ thường gặp ở trẻ bú sữa ✓
- D. Nam gặp nhiều hơn nữ ✓
- E. A, B, C, D đều sai

**Câu 22: Khối lòng ruột trẻ nữ nhi thường nằm trong**

- A. Hồi tràng ✓
- B. Hồng tràng
- ☒ C. Đại tràng ✓
- ☒ D. Manh tràng ✓
- E. A, B, C, D đều đúng

**Câu 23: Chẩn đoán lòng ruột ở trẻ lớn phải dựa vào**

- A. Tam chứng kinh điển: khóc thét, nôn vọt, đi cầu ra máu
- B. Triệu chứng chỉ điểm: bỏ bú sau nôn ✗
- C. Bụng chướng căng, đi cầu máu, ói dịch xanh
- ☒ D. Triệu chứng lâm sàng nghèo nàn, phải dựa vào cận lâm sàng
- E. A, B, C đúng

**Câu 24: Chỉ định phẫu thuật trong bệnh lý lòng ruột là**

- A. Đến trễ 24 h sau tiếng khóc thét đầu tiên ✗
- B. Tháo lòng không phẫu thuật thất bại ✓



C. Khối lờng ở ruột non

D. A, B đúng

☒ E. B, C đúng

☒ F. A, B, C đúng

**Câu 25:** Triệu chứng lâm sàng ở trẻ lờng ruột tuổi nhũ nhi người ta phải dựa vào tam chứng kinh điển là Đau, khóc, thét từng cơn, tiêu máu, nôn vọt với khám thực thể thường sờ thấy..... Khối u lờng..... vị trí..... Hông P hoặc HSP.....

**Câu 26:** Bệnh đa polyp gia đình với gen đột biến là gen APC có kết hợp với loại ung thư trẻ em nào

A. Bướu than

B. Bướu nguyên bào thần kinh

C. Bướu tế bào mầm

D. Ung thư tế bào gan

☒ E. Ung thư nguyên bào gan

**Câu 27:** Đặc điểm đại thể của bướu nguyên bào trẻ em

A. Dạng nhiều khối và dính chặt nhau

B. Dạng nhiều khối và không dính chặt nhau

☒ C. Một khối đặc hay vừa nang vừa đặc, có xuất huyết hoại tử

D. Một khối và thường di căn hạch vùng

E. Một khối nang

**Câu 28:** AFP là dấu hiệu sinh học có ý nghĩa trong

☒ A. Ung thư nguyên bào gan

B. Bướu quái ác

C. Bướu mầm có nguồn gốc tế bào nuôi

D. Sarcom cơ vân dạng phổi

E. A, B đúng

**Câu 29:**  $\beta$ -hCG có ý nghĩa trong

A. Ung thư nguyên bào gan

B. Bướu quái ác

☒ C. Bướu mầm có nguồn gốc tế bào nuôi

D. Sarcom cơ vân dạng phổi

E. A, B đúng

**Câu 30:** Hạch cổ trẻ em nghi có khả năng ác tính dựa vào

A. Hạch lớn hoặc vẫn lớn sau khi điều trị kháng sinh 2 – 3 tuần

B. Những hạch không lớn nhưng không giảm kích thước sau 5 – 6 tuần hoặc sau 10 – 12 tuần không trở về bình thường

C. Những hạch có kèm triệu chứng toàn thân như sốt không giảm thích được, sụt cân, gan to, lách to, hay kèm bất thường trên phim chụp ngực

D. Những hạch vùng nách trái



☒ E. A, B, C đúng

**Câu 31: Siêu âm có vai trò trong ung bướu nhi**

- A. Có vai trò chẩn đoán ban đầu
- B. Có vai trò trong việc khảo sát ranh giới khối u, số lượng ổ và cấu trúc liên quan
- C. Quyết định phẫu thuật
- D. Theo dõi định kỳ

☒ E. A, B, D đúng

**Câu 32: Khác nhau cơ bản trong thoát vị bẹn và thủy tinh mạc**

- ☒ A. Thành phần trong ống phúc tinh mạc ✓
- B. Thoát vị bẹn tự lành còn thủy tinh mạc thì không ✗
- C. Thời gian khởi phát bệnh khác nhau ✗
- D. Thủy tinh mạc tăng kích thước khi chạy nhảy còn thoát vị bẹn thì không ✗
- E. Cách phẫu thuật khác nhau hoàn toàn

**Câu 33: Sinh lý bệnh của bệnh lý ống phúc tinh mạc**

- A. Tăng áp lực ổ bụng
- B. Yếu thành bụng, yếu ống bẹn
- C. Trẻ suy dinh dưỡng, sinh non, nhẹ cân
- ☒ D. Tồn tại ống phúc tinh mạc
- E. Tồn tại ống bẹn

**Câu 34: Chẩn đoán phân biệt thoát vị bẹn, ngoại trừ**

- A. Viêm hạch bẹn bùi ✓
- B. Viêm mào tinh hoàn
- C. Viêm tinh hoàn
- D. Xoắn tinh hoàn ✓
- ☒ E. Dẫn tĩnh mạch thừng tinh

**Câu 35: Dấu hiệu gợi ý xoắn tinh hoàn, chọn câu sai**

- A. Đau bùi đột ngột, khởi phát về đêm ✓
- B. Tinh hoàn sưng đau, rút lên cao, trục xoay ✓
- C. Mất phản xạ da bùi
- ☒ D. Viêm sưng bùi kéo dài vài ngày
- E. Tiền căn tinh hoàn ẩn

**Câu 36: Chỉ định mổ thoát vị bẹn khi**

- A. Từ 12 – 24 tháng là tốt nhất
- ☒ B. Ngay khi có chẩn đoán tránh biến chứng thoát vị bẹn nghẹt
- C. Thường tự lành nên không cần mổ
- D. Mổ thoát vị bẹn khi có biến chứng nghẹt
- E. Mổ tốt nhất là ngay sau sinh

**Câu 37: Biến chứng tinh hoàn ẩn, chọn câu sai**

- A. Hóa ác
- B. Vô sinh

C. Xoắn tinh hoàn

☒ D. Thoát vị bẹn

E. A, B, C đúng

**Câu 38: Thời điểm mổ tinh hoàn ẩn lý tưởng**

A. Sơ sinh

☒ B. 1 tuổi

C. 2 tuổi

D. 3 tuổi

E. Sau 5 tuổi

**Câu 39: Chỉ định tuyệt đối cắt bao quy đầu**

A. Viêm bao quy đầu

B. Dài bao quy đầu

C. Biện chứng kén da quy đầu

☒ D. Viêm xơ tắc nghẽn da quy đầu

E. Theo yêu cầu

**Câu 40: Chống chỉ định cắt da quy đầu**

A. Vùi dương vật

B. Lỗ tiểu thấp

C. Cong dương vật

☒ D. Cả A, B, C đúng

E. Tất cả sai, không có chống chỉ định